

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau khi VN-Index trở về vùng 1,300 – 1,305, lực cầu bắt đáy đã xuất hiện và giúp chỉ số bật tăng hơn 10 điểm trong phiên hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí và Bất động sản dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Phiên tăng điểm hôm nay mang ít ý nghĩa khi thanh khoản sụt giảm mạnh. Trong những phiên tới, thị trường cần một cây nến chỉ hướng với dòng tiền ủng hộ để xác nhận đà hồi phục về kháng cự cũ 1,340.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.47** điểm, đóng cửa tại **1317.33** điểm. HNX-Index **+1.36** điểm, đóng cửa tại **236.42** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.71)**, **VIC (+1.58)**, **VCB (+0.99)**, **TCB (+0.77)**, **MBB (+0.74)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.51)**, **FRT (-0.33)**, **MSN (-0.20)**, **FPT (-0.17)**, **MWG (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,556** tỷ đồng, giảm **-22.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,995 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.4 điểm. Thị trường có **308** mã tăng, 81 mã tham chiếu, **133** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-440.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-167.37 tỷ)**, **MSN (-106.28 tỷ)**, **FRT (-104.35 tỷ)**, **FPT (-67.10 tỷ)**, **DGC (-63.41 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.14** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.78%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - STB (+3.66%)**
 - VHM (+3.31%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - BSR (+2.64%)**
- BSC50 **+0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VRE (+4.44%)**
 - GEX (+3.83%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - NAB (+3.00%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.78%	0.46%	0.80%	0.96%
1 tuần	-2.48%	-2.27%	-1.10%	-0.86%
1 tháng	-3.48%	-3.71%	0.92%	1.51%
3 tháng	-2.81%	1.64%	3.99%	2.39%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,317.33	236.42	98.47
% 1D	0.80%	0.58%	0.43%
GTGD (tỷ VND)	13,556	738	470
%1D	-22.64%	-16.23%	-27.90%
GDNN (tỷ VND)	-440.06	0.14	-22.40

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	163.24	SSI	-167.37
VHM	119.11	MSN	-106.28
GEX	77.58	FRT	-104.35
VIC	37.83	FPT	-67.10
VCI	31.74	DGC	-63.41

Thị trường thế giới

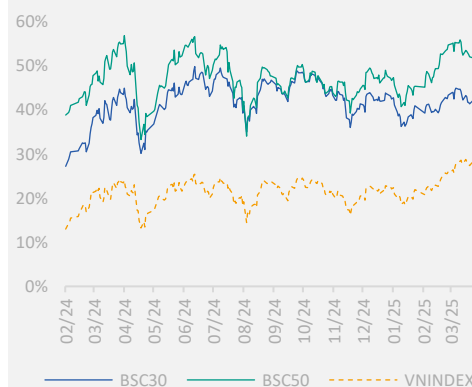
		%D	%W
SPX	5,612	0.55%	-2.70%
FTSE100	8,660	0.90%	-0.05%
Eurostoxx	5,306	1.19%	-2.14%
Shanghai	3,348	0.38%	-0.64%
Nikkei	35,569	-0.14%	-5.85%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.61	-0.13%
Giá vàng	3,131	-0.88%
Tỷ giá		
USD/VND	25,810	0.27%
EUR/VND	28,513	0.19%
JPY/VND	175	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

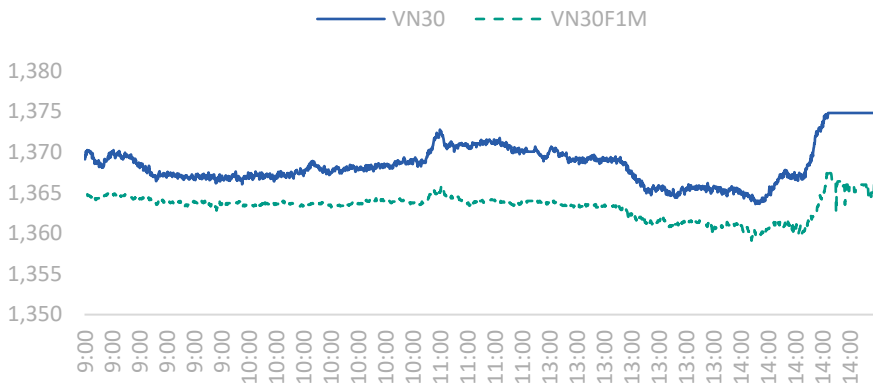
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1367.90	0.51%	60	20.0%	9/18/2025	170
VN30F2504	1366.00	0.44%	130,446	-2.3%	4/17/2025	16
VN30F2505	1365.00	0.33%	202	-65.7%	5/15/2025	44
VN30F2506	1367.20	0.59%	34	-62.2%	6/19/2025	79

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +13.03 điểm, đóng cửa tại 1376.91 điểm. Biên độ dao động 13.31 điểm. Các cổ phiếu như STB, TCB, VIC, VHM, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng, chiến lược là Long/Short linh hoạt, kỳ vọng cải thiện ở các kỳ hạn dài đang có xu hướng tăng.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2509, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2407	6/30/2025	90	2,200	-79.62%	15.87	350	105.9%	4.22	24.56	120.50	120.50
CVRE2405	4/28/2025	27	115,100	-83.40%	1.90	710	57.8%	9.05	3.32	20.00	20.00
CVRE2410	6/30/2025	90	526,400	-83.86%	2.19	260	52.9%	4.46	3.23	20.00	20.00
CVRE2501	6/26/2025	86	33,800	-75.25%	1.80	1,050	50.0%	6.07	4.95	20.00	20.00
CVHM2407	4/28/2025	27	546,600	-81.40%	4.90	1,240	39.3%	12.03	9.86	53.00	53.00
CFPT2405	8/14/2025	135	2,200	-72.56%	13.41	1,980	35.6%	10.81	33.07	120.50	120.50
CVRE2406	7/28/2025	118	539,800	-77.70%	1.90	640	28.0%	4.53	4.46	20.00	20.00
CVRE2502	5/26/2025	55	403,600	-74.40%	1.70	1,710	27.6%	9.16	5.12	20.00	20.00
CVHM2411	6/30/2025	90	310,600	-78.57%	5.06	1,260	26.0%	9.60	11.36	53.00	53.00
CVHM2504	6/30/2025	90	13,000	-76.51%	4.45	4,000	25.0%	24.30	12.45	53.00	53.00
CTCB2406	6/30/2025	90	188,700	-81.58%	2.80	470	23.7%	5.04	5.15	27.95	27.95
CMBB2409	6/30/2025	90	104,600	-77.48%	2.89	530	20.5%	4.35	5.54	24.60	24.60
CVHM2501	5/26/2025	55	125,400	-69.72%	4.20	2,370	17.9%	9.77	16.05	53.00	53.00
CFPT2501	7/28/2025	118	358,200	-85.06%	16.00	200	17.6%	10.47	18.00	120.50	120.50
CVRE2503	10/27/2025	209	24,400	-71.00%	1.80	2,000	17.6%	9.12	5.80	20.00	20.00
CVHM2406	7/28/2025	118	23,500	-77.21%	5.00	1,770	17.2%	12.02	12.08	53.00	53.00
CVIC2503	6/30/2025	90	1,000	-62.26%	4.26	6,090	17.1%	18.50	22.53	59.70	59.70
CSTB2408	4/28/2025	27	289,800	-81.86%	3.60	900	16.9%	9.03	7.20	39.70	39.70
CVIC2407	6/30/2025	90	308,800	-70.27%	4.90	2,570	15.8%	10.97	17.75	59.70	59.70
CSTB2413	6/30/2025	90	499,000	-81.74%	3.97	820	15.5%	8.94	7.25	39.70	39.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 01/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2407 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 105.88%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.96%.
- CVHM2503, CVIC2501, CVHM2408, CTCB2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	39.70	3.66%	2.55
TCB	27.95	1.64%	1.95
VIC	59.70	2.93%	1.87
VHM	53.00	3.31%	1.68
MBB	24.60	2.07%	1.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	66.20	-0.90%	-0.44
FPT	120.50	-0.41%	-0.44
MWG	58.60	-0.68%	-0.43
GVR	31.85	-1.70%	-0.08
BVH	52.70	-1.13%	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	53.00	3.31%	1.71	4.11
VIC	59.70	2.93%	1.58	3.82
VCB	64.50	0.78%	0.99	8.36
TCB	27.95	1.64%	0.77	7.06
MBB	24.60	2.07%	0.74	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	206.50	9.96%	2.54	0.20
SHS	14.90	3.47%	0.26	0.81
MVB	25.80	9.79%	0.16	0.11
HGM	355.00	5.65%	0.16	0.01
NVB	11.80	1.72%	0.15	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAF	19.25	6.94%	0.01	0.02
YBM	14.70	6.91%	0.00	0.04
FCM	4.04	6.88%	0.00	0.40
SMC	7.17	6.86%	0.01	3.11
DTT	17.15	6.85%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	206.50	9.96%	14.07	0.08
BKC	58.70	9.93%	0.23	0.11
MIC	26.90	9.80%	0.05	0.11
MVB	25.80	9.79%	0.91	0.06
NFC	27.40	9.60%	0.14	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	31.85	-1.70%	-0.51	4.00
FRT	154.00	-6.67%	-0.33	0.14
MSN	66.20	-0.90%	-0.20	1.44
FPT	120.50	-0.41%	-0.17	1.47
MWG	58.60	-0.68%	-0.14	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

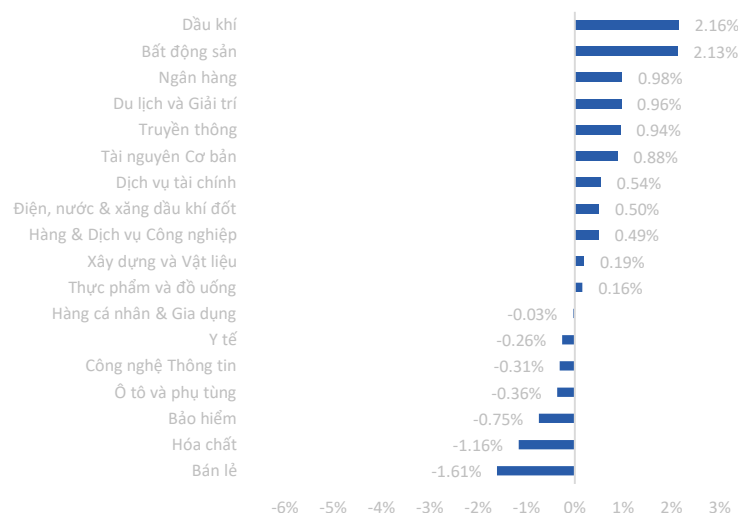
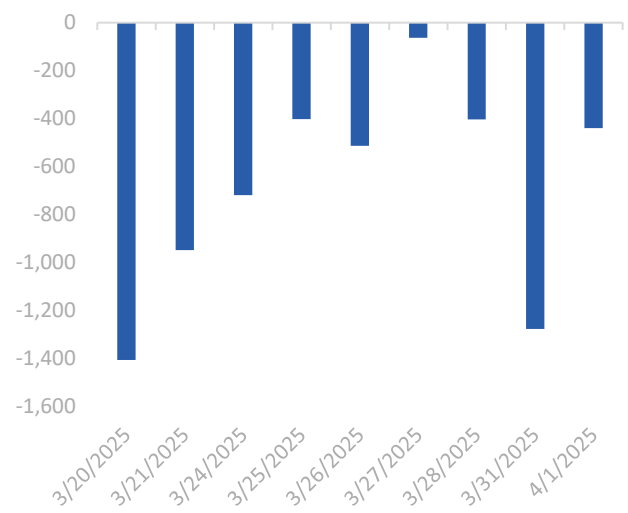
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SCG	66.40	-7.00%	-0.24	0.09
IDC	53.60	-0.74%	-0.08	0.33
PVI	65.50	-0.76%	-0.07	0.23
VIF	18.00	-1.64%	-0.06	0.35
BAB	11.80	-0.84%	-0.06	0.96

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	7.77	-6.95%	-0.01	0.00
FRT	154.00	-6.67%	-0.33	0.84
SRF	9.42	-5.61%	0.00	0.00
SHI	14.95	-4.78%	-0.03	0.44
TNC	31.50	-4.69%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	22.70	-9.92%	-0.07	0.00
KST	12.90	-7.86%	-0.02	0.00
VE1	3.60	-7.69%	-0.01	0.08
TPP	10.20	-7.27%	-0.11	0.00
HTC	24.90	-7.09%	-0.10	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	58.6	-0.7%	1.4	86,228	369.5	2,544	23.2		45.8%	
KBC	Bất động sản	30.6	-0.3%	1.3	23,527	141.5	555	55.2		19.3%	
KDH	Bất động sản	32.6	0.0%	1.0	32,963	156.1	863	37.8		35.9%	
PDR	Bất động sản	19.5	0.5%	1.9	16,895	48.8	643	30.1	23,600	8.2%	Link
VHM	Bất động sản	53.0	3.3%	1.1	210,710	624.2	7,349	7.0	58,200	12.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	120.5	-0.4%	0.9	177,999	997.5	5,371	22.5	163,000	42.4%	Link
BSR	Dầu khí	19.5	2.6%	0.0	58,754	26.3	204	93.1		0.3%	
PVS	Dầu khí	31.2	1.3%	1.0	14,721	62.9	2,238	13.8	40,300	17.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	30.9	1.0%	1.6	22,031	202.1	1,571	19.5		43.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.1	0.2%	1.3	51,009	478.6	1,536	16.9		37.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.0	1.8%	1.7	27,503	241.1	1,537	24.9		29.6%	
DCM	Hóa chất	33.1	0.2%	1.1	17,497	23.4	2,682	12.3	41,100	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	98.2	-1.4%	1.4	37,826	242.0	7,864	12.7	111,400	15.6%	Link
ACB	Ngân hàng	26.1	0.2%	0.9	116,133	79.3	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.0	0.7%	1.0	272,078	53.1	3,639	10.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.9	1.0%	1.3	222,586	201.3	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.5	1.6%	1.1	77,241	350.4	3,667	6.0		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.6	2.1%	1.1	147,065	380.1	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.0%	1.2	31,720	198.2	2,123	5.8	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.7	3.7%	1.0	72,204	498.3	5,351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	28.0	1.6%	1.2	194,283	339.1	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.3	0.0%	1.1	37,780	113.2	2,298	6.2	-	26.0%	Link
VCB	Ngân hàng	64.5	0.8%	0.6	534,763	117.5	4,049	15.8		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.0	0.8%	1.2	59,136	116.5	2,424	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.8%	1.0	150,745	172.9	1,989	9.6	25,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.0	0.9%	1.3	171,100	388.2	1,879	14.2	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.6	2.3%	1.8	10,681	63.4	935	18.4	22,700	7.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.7	-0.3%	1.4	9,956	258.9	2,712	11.0	31,000	2.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66.2	-0.9%	1.2	96,082	430.8	1,345	49.7		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.8	0.3%	0.7	126,651	189.8	4,494	13.5		50.1%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	37.7	0.27%	1.6	8,241	14.2	2,042	18.4	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	154.0	-6.67%	0.7	22,480	132.7	2,331	70.8	32.8%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.7	-1.13%	0.8	39,566	20.7	2,809	19.0	26.6%	9.6%	
DIG	Bất động sản	19.9	0.25%	2.0	12,106	79.9	188	105.7	2.5%	1.5%	
DXG	Bất động sản	15.9	0.32%	1.8	13,759	56.6	347	45.5	20.3%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	27.7	0.36%	1.4	4,923	71.9	384	71.9	3.4%	3.1%	
HDG	Bất động sản	26.5	0.57%	1.4	8,862	23.3	1,714	15.4	19.5%	5.8%	
IDC	Bất động sản	53.6	-0.74%	1.0	17,820	18.4	6,050	8.9	20.5%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.8	1.46%	1.4	13,189	143.4	1,346	25.5	37.5%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	86.0	-0.23%	0.0	18,148	60.6	5,555	15.5	6.0%	29.5%	
SZC	Bất động sản	41.5	-0.12%	1.2	7,469	31.5	1,809	22.9	2.5%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	18.2	0.83%	1.6	12,028	106.8	1,466	12.3	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	59.7	2.93%	1.2	221,772	462.3	3,069	18.9	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	20.0	4.44%	1.1	43,515	326.8	1,802	10.6	19.0%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	38.6	1.45%	1.2	8,029	17.3	1,478	25.7	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	40.3	1.90%	0.9	50,252	22.6	2,275	17.4	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	22.2	0.91%	1.1	12,229	57.1	1,255	17.5	8.4%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.3	-0.59%	1.8	15,480	134.9	1,869	27.1	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.1	0.67%	1.7	17,126	49.8	1,583	18.9	6.9%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	1.05%	0.6	156,491	58.7	4,439	15.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	1.17%	1.0	29,976	127.0	535	23.9	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.5	0.14%	0.9	33,630	32.3	4,237	16.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	95.2	0.21%	0.5	51,453	43.0	2,632	36.1	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.4	3.83%	1.7	20,197	814.6	1,910	12.3	7.6%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	0.17%	0.9	24,161	116.7	4,626	12.4	41.3%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.9	0.19%	1.2	6,858	76.6	4,414	12.0	11.5%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.8	0.20%	1.0	8,811	19.1	3,071	8.1	11.8%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	136.9	-1.37%	0.0	16,903	21.6	3,144	44.2	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.4	0.12%	0.9	28,148	63.6	6,300	13.2	48.3%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	37.0	0.95%	0.6	3,733	76.5	2,710	13.5	49.7%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.0	0.46%	1.3	2,685	19.4	2,568	8.5	16.8%	17.4%	
DPM	Hóa chất	35.2	1.15%	1.0	13,599	75.4	1,400	24.8	8.7%	4.9%	Link
GVR	Hóa chất	31.9	-1.70%	1.6	129,600	121.1	1,053	30.8	0.8%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.6	0.26%	1.0	36,323	227.0	1,786	10.9	3.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.4	0.45%	0.7	99,327	39.4	3,254	10.2	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.2	3.00%	0.0	22,853	21.4	2,702	6.2	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.3	1.35%	1.1	27,494	58.2	1,287	8.7	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	1.00%	1.9	6,714	100.3	1,380	10.9	5.7%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.5	0.30%	1.5	4,380	8.5	180	91.6	0.5%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.9	0.31%	0.5	9,668	123.1	1,575	20.2	3.8%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.4	0.92%	0.8	62,717	54.8	3,376	14.5	59.5%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.8	0.48%	1.3	14,028	31.0	5,496	11.4	24.6%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	122.5	2.68%	1.2	9,766	28.2	12,103	9.9	82.2%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.5	0.59%	1.4	8,494	41.5	3,734	22.8	48.9%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.8	-4.08%	1.0	11,782	59.0	4,705	21.9	7.6%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	52.0	1.17%	2.0	3,238	29.4	3,545	14.5	7.1%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	0.41%	1.6	5,274	20.4	937	13.0	6.9%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	0.00%	1.3	8,083	17.0	1,287	17.6	15.5%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.8	0.23%	1.5	13,019	109.5	1,548	14.1	6.2%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	49.3	0.51%	1.2	21,969	32.0	2,464	19.9	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>